BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ **HỌC VIỆN** **CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 58 /TB-HVCSPT	*Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2023*

THÔNG BÁO

V/v thời khóa biểu và lịch đăng ký tín chỉ đợt 2, học kỳ II, năm học 2022 – 2023 các khóa 10, 11, 12, 13

Căn cứ Chương trình đào tạo và Kế hoạch học tập năm học 2022 – 2023;

Học viện Chính sách và Phát triển thông báo:

1. Thời khóa biểu:

Thời khóa biểu học kỳ II năm học 2022 – 2023, đợt học 2 đối với sinh viên các khóa 10, 11, 12, 13 chi tiết theo *file đính kèm*.

Các lớp Quy đổi điểm: Tiếng Anh, Tin học, Phương pháp nghiên cứu khoa học được mở đăng ký vào đợt học 4 theo thông báo của Học viện.

2. Thời gian giảng dạy:

09 tuần từ ngày 24/04/2023 đến ngày 25/06/2023. Cụ thể tiết học như sau:

BUỔI SÁNG	BUỔI CHIỀU
Tiết 1: Từ 07h30 đến 08h20	Tiết 6: Từ 13h00 đến 13h50
Tiết 2: Từ 08h25 đến 09h15	Tiết 7: Từ 13h55 đến 14h45
Tiết 3: Từ 09h20 đến 10h10	Tiết 8: Từ 14h50 đến 15h40
Tiết 4: Từ 10h15 đến 11h05	Tiết 9: Từ 15h45 đến 16h35
Tiết 5: Từ 11h10 đến 12h00	Tiết 10: Từ 16h40 đến 17h30

3. Lịch đăng ký tín chỉ

- Học viện đã đăng ký mặc định một số học phần bắt buộc cho Sinh viên Khóa 11, 12, 13. **Sinh viên có trách nhiệm kiểm tra kết quả đăng ký học trên trang www.tinchi.apd.edu.vn**. Sinh viên tự chịu trách nhiệm về việc tự hủy các học phần được Học viện đăng ký học mặc định, sinh viên hệ đại trà **KHÔNG ĐƯỢC** đăng ký vào các lớp học phần của hệ Chất lượng cao và ngược lại. (Cần tham khảo ý kiến của CVHT trước khi đăng ký hoặc thay đổi lịch học).

- Sinh viên Khóa 10 hệ đại trà đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 10: Từ 19h00 thứ 5 ngày 20/04/2023 đến 24h00 thứ 6 ngày 21/04/2023.

- Sinh viên Khóa 11 hệ đại trà đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 11: Từ 19h00 thứ 4 ngày 19/04/2023 đến 24h00 thứ 5 ngày 20/04/2023.

- Sinh viên Khóa 12 hệ đại trà đăng ký các lớp học phần thuộc Thời khoá biểu Khoá 12: Từ 20h00 thứ 4 ngày 19/04/2023 đến 24h00 thứ 5 ngày 20/04/2023.

- Sinh viên Khóa 13 hệ đại trà đăng ký các lớp học phần Tiếng Anh thuộc thời khoá biểu Khoá 13: Từ 21h00 thứ 4 ngày ngày 19/04/2023 đến 24h00 thứ 5 ngày 20/04/2023 (nếu sinh viên chưa quy đổi điểm học phần hoặc chưa có chứng chỉ Tiếng Anh quốc tế còn thời hạn tình đến ngày 01/05/2023 thì bắt buộc phải đăng ký). Cụ thể như sau:

+ Học phần **Tiếng Anh cơ bản 3**: Sinh viên các chuyên ngành (Kinh tế đối ngoại, Kinh tế và kinh doanh số, Luật đầu tư - Kinh doanh, Quản trị doanh nghiệp, Quản trị Marketing, Thương mại quốc tế, Phân tích dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh) bắt buộc đăng ký.

+ Học phần **Tiếng Anh cơ bản 2**: Tất cả sinh viên Khóa 13.

- Hệ thống mở cho sinh viên các khóa 9 trở về trước, Khóa 10, 11, 12 đăng ký liên thông: Từ 19h00 thứ 5 ngày 20/04/2023 đến 24h00 thứ 6 ngày 21/04/2023.

- Sinh viên hệ CLC đăng ký các lớp học phần Từ 19h00 thứ 7 ngày 22/04/2023 đến 24h00 Chủ nhật ngày 23/04/2023.

4. Thời gian xử lý đơn đăng ký/hủy lớp học phần:

Khoa Quản lý sinh viên tiếp nhận đơn từ sinh viên và tổng hợp gửi về Phòng QLĐT đến hết ngày 24/04/2023.

*** Lưu ý**: Yêu cầu sinh viên kiểm tra tài khoản đăng kí trước khi làm đơn. Phòng Quản lý đào tạo chỉ xử lý đơn hủy, và những đơn chưa đăng kí đủ số tín chỉ, ưu tiên sinh viên khóa 10 trở về trước.

5. Hình thức đào tạo: Trực tiếp tại Học viện

Học viện sẽ giảng dạy và học tập trực tiếp toàn bộ các lớp học phần. Trong trường hợp bất khả kháng không thể tổ chức dạy trực tiếp tại Học viện, có thể kết hợp giảng dạy trực tuyến qua ứng dụng Google Meet và LMS (do Giám đốc quyết định bằng văn bản).

6. Để đảm bảo công tác giảng dạy được thực hiện đúng kế hoạch, Học viện Chính sách và Phát triển đề nghị các đơn vị thực hiện như sau:

- Trưởng các Khoa/Bộ môn gửi kế hoạch phân công giảng viên giảng dạy, thông báo đến cố vấn học tập, giảng viên và sinh viên được biết và thực hiện. Kế hoạch phân công giảng viên gửi về Phòng Quản lý đào tạo (*đ/c Mạnh*) ***trước 14h00 thứ 3, ngày 18/04/2023***.

- Trung tâm Hỗ trợ đào tạo chuẩn bị giảng đường, trang thiết bị phục vụ học tập và bố trí cán bộ trực phục vụ công tác giảng dạy theo kế hoạch.

Trên cơ sở chức năng nhiệm vụ của mình, các đơn vị cần chủ động triển khai và phối hợp thực hiện Thời khóa biểu Học kỳ II năm học 2022 - 2023. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh những vấn đề cần giải quyết các đơn vị báo cáo Ban Giám đốc (qua Phòng Quản lý đào tạo).

Đề nghị cán bộ, giảng viên và sinh viên nghiêm túc thực hiện./.

Nơi nhận:
- Ban GĐ;
- Các đơn vị thuộc H/v (để t/hiện);
- Bộ phận quản lý website (đăng thông tin);
- Lưu: TC-HC, P.QLĐT (2 bản).

TL. GIÁM ĐỐC
TP. QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

HỌC VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

TS. Nguyễn Thị Đông

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 2, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 10 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 2
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 58/TB-HVCSPT ngày 17 tháng 04 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Kinh doanh quốc tế nâng cao(2-2223_2)_01	40	5							8-10	C705													1-2	C302		
2	Kinh tế quốc tế nâng cao(2-2223_2)_01	40	5							6-7	C705							8-10	C705								
3	Logistics nâng cao(2-2223_2)_01	40	5							6-7	C501													3-5	C302		
4	Pháp luật doanh nghiệp nâng cao(2-2223_2)_01	40	5			8-10	C705							6-7	C705												
5	Pháp luật về đầu tư nâng cao(2-2223_2)_01	40	5			6-7	C705							8-10	C705												
6	Thực tập tốt nghiệp(2-2223_2)_NGÀNH 2	100	1																								
7	Thực tập tốt nghiệp(2-2223_2)_01	200	1																								
8	Thương mại quốc tế nâng cao(2-2223_2)_01	40	5															6-8	C502	1-2	C705						
9	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_NGÀNH 2	200	1																								
10	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_CSC+KTQLC	200	1																								
11	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_ĐẤU THẦU	200	1																								
12	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_ĐẦU TƯ	200	1																								
13	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_KTĐN	200	1																								
14	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_KTKT	200	1																								
15	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_KTPT+KHPT	200	1																								
16	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_LUẬT KINH TẾ	200	1																								
17	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_NGÂN HÀNG	200	1																								
18	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_PTDL	200	1																								
19	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_QTDN	200	1																								

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
20	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_QTMA	200	1																								
21	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_TC+TCĐT	200	1																								
22	Khóa luận tốt nghiệp(2-2223_2)_TMQT	200	1																								

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 2, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 11 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 2
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 58 /TB-HVCSPT ngày 17 tháng 04 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Bảo hiểm(2_2223_2)_01	70	5			8-10	C608					1-2	C605														
2	Bảo hiểm(2_2223_2)_02	70	5			6-7	C608					3-5	C605														
3	Chứng khoán phái sinh(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C304											1-2	C304						
4	Đầu tư quốc tế(2_2223_2)_01	90	5											6-7	C702							8-10	C702				
5	Digital Marketing(2_2223_2)_01	90	5									1-2	C402									8-10	C304				
6	Digital Marketing(2_2223_2)_02	70	5									3-5	C301									6-7	C301				
7	Dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư PPP(2_2223_2)_01	70	5			8-10	C401													1-2	C408						
8	Giám sát và đánh giá dự án(2_2223_2)_01	70	5									1-2	C401									8-10	C401				
9	Kế hoạch phát triển(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C402													8-9	C604				
10	Kế hoạch phát triển(2_2223_2)_02	70	5					1-2	C402											3-5	C402						
11	Kế toán ngân hàng thương mại(2_2223_2)_01	90	5			6-7	C602															8-10	C308				
12	Kế toán ngân hàng thương mại(2_2223_2)_02	90	5			8-10	C602															6-7	C308				
13	Kế toán tài chính(2_2223_2)_03	90	5			8-10	C304			6-7	C408																
14	Kế toán thuế(2_2223_2)_01	90	5	1-2	C308									8-10	C308												
15	Kế toán thuế(2_2223_2)_02	90	5	3-5	C308									6-7	C308												
16	Khai phá dữ liệu cho phân tích kinh doanh(2_2223_2)_01	90	5													3-5	C504					6-7	C404				
17	Kiểm toán tài chính(2_2223_2)_01	90	5									1-2	C702			3-5	C702										
18	Kiểm toán tài chính(2_2223_2)_02	70	5									3-5	C703			1-2	C703										
19	Kinh doanh quốc tế(2_2223_2)_01	40	5			6-7	C410							8-10	C410												

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
20	Kinh tế phát triển(2_2223_2)_03	70	4											6-9	C704												
21	Kinh tế phát triển(2_2223_2)_04	70	4																	1-4	C401						
22	Kinh tế phát triển(2_2223_2)_01	70	5									3-5	C704									6-7	C401				
23	Kinh tế quốc tế(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C401									8-10	C401												
24	Kinh tế quốc tế(2_2223_2)_02	70	5			6-7	C401					3-5	C401														
25	Logistics trong doanh nghiệp(2_2223_2)_01	70	5											8-10	C701							6-7	C701				
26	Marketing căn bản(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C301					8-10	C404																
27	Marketing quốc tế(2_2223_2)_01	90	5	3-5	C304									6-7	C304												
28	Marketing quốc tế(2_2223_2)_02	70	5	1-2	C304									8-10	C304												
29	Marketing quốc tế(2_2223_2)_03	90	5			6-7	C304					3-5	C304														
30	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(2_2223_2)_01	90	5													1-2	C402			3-5	C702						
31	Nghiệp vụ kinh doanh XNK(2_2223_2)_02	70	5													3-5	C402					6-7	C702				
32	Nguyên lý thống kê kinh tế(2_2223_2)_01	70	5							8-10	C402											6-7	C402				
33	Nguyên lý thống kê kinh tế(2_2223_2)_02	70	5							6-7	C402											8-10	C402				
34	Phân tích báo cáo tài chính(2_2223_2)_01	90	5											8-10	C408			6-7	C402								
35	Phân tích báo cáo tài chính(2_2223_2)_02	70	5									3-5	C302			1-2	C301										
36	Phân tích báo cáo tài chính(2_2223_2)_03	70	5											6-7	C302	3-5	C301										
37	Phân tích kỹ thuật trong đầu tư(2_2223_2)_01	70	5	3-5	C301							1-2	C704														
38	Pháp luật cạnh tranh(2_2223_2)_01	70	5											8-10	C703	1-2	C604										
39	Pháp luật cạnh tranh(2_2223_2)_02	70	5											6-7	C703	3-5	C303										
40	Pháp luật thương mại và vận tải hàng hóa quốc tế(2_2223_2)_01	90	5													3-5	C304							1-2	C402		
41	Phương pháp nghiên cứu khoa học(2_2223_2)_01	40	5	3-5	C508			1-2	C508																		
42	Quản lý dự án đầu tư(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C501											3-5	C501										
43	Quản lý dự án đầu tư(2_2223_2)_02	70	5	3-5	C501											1-2	C501										
44	Quản lý nhà nước về kinh tế(2_2223_2)_01	90	5									3-5	C702					6-7	C304								
45	Quản lý tài chính công(2_2223_2)_01	70	5	3-5	C601																			1-2	C608		

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
46	Quản trị bán hàng(2_2223_2)_01	90	5	3-5	C702											1-2	C702										
47	Quản trị bán hàng(2_2223_2)_02	70	5	1-2	C703											3-5	C703										
48	Quản trị chiến lược(2_2223_2)_01	90	5							6-7	C304	3-5	C308														
49	Quản trị điều hành chương trình du lịch(2_2223_2)_01	40	5			8-10	C410							6-7	C410												
50	Quản trị học(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C303																	8-10	C303				
51	Quản trị học(2_2223_2)_02	70	5	3-5	C303																	6-7	C303				
52	Quản trị kinh doanh lữ hành(2_2223_2)_01	40	5									1-2	C410			3-5	C410										
53	Quản trị rủi ro(2_2223_2)_01	70	5							8-10	C401											6-7	C603				
54	Quản trị rủi ro(2-2223_2)_02	70	5							6-7	C401											8-10	C603				
55	Tài chính quốc tế(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C401													6-7	C408				
56	Tài chính quốc tế(2_2223_2)_02	70	5					1-2	C401													8-10	C408				
57	Thẩm định dự án đầu tư(2_2223_2)_01	70	5			6-7	C601	3-5	C608																		
58	Thẩm định dự án đầu tư(2_2223_2)_02	70	5			8-10	C601			6-7	C404																
59	Thẩm định tín dụng(2_2223_2)_01	40	5									3-5	C410			1-2	C410										
60	Thị trường chứng khoán(2_2223_2)_01	70	5	3-5	C408											1-2	C408										
61	Thị trường chứng khoán(2-2223_2)_02	70	5	1-2	C408											3-5	C408										
62	Thuế(2_2223_2)_01	90	5									1-2	C304			3-5	C604										
63	Tiếng anh tổng quát 4(2_2223_2)_01	70	5			6-7	C302																	3-5	C408		
64	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_01	50	5					3-5	C410											1-2	C410						
65	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_02	50	5							8-10	C410											6-7	C410				
66	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_03	50	5							6-7	C410									3-5	C410						
67	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_04	50	5					1-2	C410													8-10	C410				
68	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_05	50	5			6-7	C507					3-5	C502														
69	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_06	50	5			8-10	C507					1-2	C601														
70	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_07	50	5	3-5	C507									6-7	C601												
71	Tiếng Anh trong kinh doanh(2_2223_2)_08	50	5	1-2	C507									8-10	C601												

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
72	Toàn cầu hóa và các rủi ro(2 2223 2) 01	70	4							8-10	C502							6-7	C303								
73	Toàn cầu hóa và các rủi ro(2 2223 2) 02	70	5					2-5	C501																		

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 2, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 12 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 2
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 57 /TB-HVCSPT ngày 17 tháng 04 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Chính sách công(2_2223_2)_01	90	5	1-2	C402									8-10	C402												
2	Chính sách công(2_2223_2)_02	90	5									3-5	C402					6-7	C408								
3	Chính sách công(2_2223_2)_03	70	5	3-5	C402									6-7	C402												
4	Đấu thầu mua sắm 1(2_2223_2)_01	70	5			6-7	C703									3-5	C701										
5	Đấu thầu mua sắm 1(2_2223_2)_02	70	5			8-10	C703									1-2	C701										
6	Đấu thầu qua mạng(2_2223_2)_01	70	5									1-2	C302							3-5	C301						
7	Đầu tư công(2_2223_2)_01	70	5							6-7	C303									3-5	C303						
8	Đầu tư công(2_2223_2)_02	70	5							8-10	C303									1-2	C303						
9	Đầu tư quốc tế(2_2223_2)_03	70	5									1-2	C701							3-5	C701						
10	Đầu tư quốc tế(2_2223_2)_04	70	5									3-5	C701							1-2	C701						
11	Địa lý Kinh tế(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C302															1-2	C508		
12	Địa lý Kinh tế(2_2223_2)_02	70	5							6-7	C302													3-5	C508		
13	Địa lý Kinh tế(2_2223_2)_03	70	5							8-10	C302															6-7	C508
14	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(2_2223_)_02	70	5							8-10	C601									1-2	C704						
15	Dữ liệu lớn trong kinh tế và kinh doanh(2_2223_2)_01	70	5							6-7	C601									3-5	C704						
16	Kế toán quản trị(2_2223_2)_01	70	5			8-10	C301					1-2	C404														
17	Kế toán quản trị(2_2223_2)_02	70	5			6-7	C301					3-5	C404														
18	Kế toán quốc tế(2_2223_2)_01	70	5							8-10	C301													1-2	C401		
19	Kế toán quốc tế(2_2223_2)_02	70	5							6-7	C301													3-5	C401		

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
20	Kế toán tài chính(222_2)_01	90	5					3-5	C404							1-2	C404										
21	Kế toán tài chính(222_2)_02	90	5					1-2	C404							3-5	C404										
22	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(2_2223_2)_01	90	5			6-7	C308																	3-5	C308		
23	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo(2_2223_2)_02	90	5			8-10	C308																	1-2	C308		
24	Kinh tế công cộng(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C303							1-2	C303										
25	Kinh tế công cộng(2_2223_2)_02	70	5					1-2	C303							3-5	C302										
26	Kinh tế đầu tư(2_2223_2)_01	70	5			6-7	C303					3-5	C303														
27	Kinh tế đầu tư(2_2223_2)_02	70	5			8-10	C303					1-2	C303														
28	Kinh tế lượng(2_2223_2)_01	70	5									1-2	C501									8-10	C302				
29	Kinh tế lượng(2-2223_2)_02	70	5									3-5	C501									6-7	C302				
30	Kinh tế môi trường(2-2223_2)_01	70	5			6-7	C402	3-5	C508																		
31	Kinh tế quốc tế(2_2223_2)_03	70	5	3-5	C401									6-7	C401												
32	Kinh tế vi mô 2(2-2223_2)_01	70	5	1-2	C701													6-8	C701								
33	Kinh tế vĩ mô 2(2_2223_2)_01	70	5	1-2	C704					8-10	C608																
34	Kinh tế vĩ mô 2(2_2223_2)_02	70	5	3-5	C704					6-7	C608																
35	Kinh tế vĩ mô 2(2_2223_2)_03	90	5									1-2	C604											3-5	C404		
36	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_01	70	4													1-4	C608										
37	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_02	70	4											6-9	C608												
38	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_03	70	4									1-4	C608														
39	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_04	90	4																							6-9	C404
40	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_05	90	4							6-9	C702																
41	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_06	90	4					1-4	C702																		
42	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_08	90	4			6-9	C702																				
43	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_09	70	4																	1-4	C608						
44	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2_2223_2)_10	70	4	1-4	C608																						
45	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam(2-2223_2)_07	70	4																			6-9	C608				

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
46	Lý thuyết kinh tế số(2_2223_2)_01	70	4					1-4	C703																		
47	Lý thuyết kinh tế số(2_2223_2)_02	70	4							6-9	C703																
48	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2_2223_2)_01	85	5					3-5	C308							1-2	C302										
49	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2_2223_2)_02	70	5							6-7	C308					3-5	C401										
50	Lý thuyết Tài chính tiền tệ(2_2223_2)_03	70	5							8-10	C308							6-7	C401								
51	Nguyên lý thống kê kinh tế(2_2223_2)_03	70	5			6-7	C404							8-10	C605												
52	Nguyên lý thống kê kinh tế(2_2223_2)_04	70	5			8-10	C404							6-7	C605												
53	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(2_2223_2)_01	50	5			8-10	C605			6-7	C507																
54	Phân tích và dự báo kinh tế vĩ mô(2_2223_2)_02	50	5			6-7	C605			8-10	C507																
55	Pháp luật về đầu tư(2_2223_2)_01	70	8					1-4	C701											1-4	C703						
56	Pháp luật về đầu tư(2_2223_2)_02	70	8							6-9	C701											6-9	C703				
57	Quản trị chiến lược(2_2223_2)_03	70	5					3-5	C301					6-7	C301												
58	Quản trị chiến lược(2_2223_2)_04	70	5					1-2	C301					8-10	C301												
59	Quản trị marketing(2_2223_2)_01	90	5	3-5	C404									6-7	C404												
60	Quản trị marketing(2_2223_2)_02	90	5	1-2	C404									8-10	C404												
61	Quản trị nhân lực(2_2223_2)_01	70	5					1-2	C302					8-10	C302												
62	Tài chính doanh nghiệp(2_2223_2)_01	70	5							8-10	C704							6-7	C501								
63	Tài chính doanh nghiệp(2_2223_2)_02	70	5							6-7	C704							8-10	C501								
64	Tài chính doanh nghiệp 2(2_2223_2)_01	70	5					3-5	C704							1-2	C704										
65	Tài chính doanh nghiệp 2(2_2223_2)_02	70	5					1-2	C704							3-5	C704										
66	Tâm lý học quản trị kinh doanh(2_2223_2)_01	90	5	1-2	C502																	8-10	C502				
67	Thương mại điện tử(2_2223_2)_01	90	5			8-10	C408									1-2	C502										
68	Thương mại điện tử(2_2223_2)_02	90	5			6-7	C408									3-5	C502										

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
HỌC VIỆN
CHÍNH SÁCH VÀ PHÁT TRIỂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THỜI KHOÁ BIỂU ĐỢT HỌC 2, HỌC KỲ II NĂM HỌC 2022 - 2023, KHÓA 13 - HỆ ĐẠI TRÀ, ĐỢT 2
(09 TUẦN, TỪ NGÀY 24/04/2023 - 25/06/2023)

(Ban hành kèm theo Thông báo số 58 /TB-HVCSPT ngày 17 tháng 04 năm 2022 của Học viện Chính sách và Phát triển)

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
1	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) ĐT_A	90	4																	1-4	C504						
2	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) ĐT_B	90	4																			6-9	C504				
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) ĐTH	90	4																							6-9	C408
4	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) KHPT+KTPT	90	4																					1-4	C504		
5	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) KTQLC	50	4													1-4	C601										
6	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) NH	70	4	1-4	C603																						
7	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) QTDN	70	4			6-9	C503																				
8	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) QTMK_A	70	4					1-4	C603																		
9	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) QTMK_B	70	4							6-9	C605																
10	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) TC_A	70	4									1-4	C503														
11	Chủ nghĩa xã hội khoa học(2-2223_2) TC_B	70	4											6-9	C503												
12	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) LĐTKD_A	62	4																							6-9	San 2
13	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) LĐTKD_B	63	4																	1-4	San 2						
14	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2)_NH	60	4																			6-9	San 2				
15	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2)_PTDLL	50	4							6-9	San 1																
16	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2)_QLC	90	4	1-4	San 1																						
17	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2)_QTDN	70	4					1-4	San 1																		
18	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) QTMK_A	80	4											6-9	San 2												
19	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2) QTMK_B	80	4			6-9	San 1																				

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
20	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2)_TMQT_A	75	4																					1-4	San 2		
21	Giáo dục thể chất 2(2-2223_2)_TMQT_B	75	4									1-4	San 1														
22	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_KTĐN	90	4	1-4	C504																						
23	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_KTKDS	70	4							6-9	C503																
24	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_KTKT	90	4			6-9	C504																				
25	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_LĐTKD_A	70	4									1-4	C508														
26	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_LĐTKD_B	70	4											6-9	C508												
27	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_PTDLL	50	4																					1-4	C410		
28	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_QLC	90	4					1-4	C504																		
29	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_TMQT_A	70	4																	1-4	C508						
30	Kinh tế Chính trị Mác - Lênin(2-2223_2)_TMQT_B	70	4																			6-9	C508				
31	Kinh tế vi mô 1(2-2223_2)_LĐTKD_A	70	5			6-7	C501			8-10	C501																
32	Kinh tế vi mô 1(2-2223_2)_LĐTKD_B	70	5			8-10	C501			6-7	C504																
33	Kinh tế vi mô 1(2-2223_2)_TAKT	90	5							8-10	C304									1-2	C402						
34	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_KTĐN	90	5																	3-5	C602			1-2	C502		
35	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_KTKDS	70	5	1-2	C602																					8-10	C503
36	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_KTKT	90	5	3-5	C602																			1-2	C404		
37	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_NH	70	5																	1-2	C602			3-5	C608		
38	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_PTDLL	50	5									3-5	C601													6-7	C503
39	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_QLC	90	5							8-10	C602											6-7	C602				
40	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_QTDN	70	5																			6-7	C502			6-8	C603
41	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_QTMK_A	70	5							6-7	C602											8-10	C404				
42	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_QTMK_B	70	5					3-5	C605							1-2	C401										
43	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_TC_A	70	5													1-2	C603							3-5	C603		
44	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_TC_B	70	5													3-5	C603							1-2	C603		
45	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_TMQT_A	70	5			8-10	C603							6-7	C603												

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
46	Kinh tế vĩ mô 1(2-2223_2)_TMQT_B	70	5			6-7	C603							8-10	C603												
47	Luật Hành chính(2-2223_2)_LĐTKD_A	60	5			8-10	C508			6-7	C508																
48	Luật Hành chính(2-2223_2)_LĐTKD_B	60	5			6-7	C508			8-10	C508																
49	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_ĐT_A	90	5			6-7	C604			8-10	C604																
50	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_ĐT_B	90	5			8-10	C604			6-7	C604																
51	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_ĐTH	90	5									1-2	C602							3-5	C604						
52	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_KHPT+KTPT	90	5					1-2	C604											3-5	C502						
53	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_KTQLC	50	5					3-5	C604											1-2	C502						
54	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_QTDN	70	5									3-5	C602							1-2	C604						
55	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_QTMK_A	70	5													1-2	C503							3-5	C503		
56	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_QTMK_B	70	5													3-5	C503							1-2	C503		
57	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_TC_A	70	5																			6-7	C503			8-10	C401
58	Lý thuyết xác suất và thống kê toán(2-2223_2)_TC_B	70	5																			8-10	C503			6-7	C401
59	Ngữ âm - âm vị học(2-2223_2)_TAKT_A	30	5	3-5	C705															4-5	C705						
60	Ngữ âm - âm vị học(2-2223_2)_TAKT_B	30	5			6-7	C505															8-10	C507				
61	Ngữ âm - âm vị học(2-2223_2)_TAKT_C	30	5			8-10	C505															6-7	C507				
62	Ngữ pháp(2-2223_2)_TAKT_A	30	5					1-2	C505							3-5	C505										
63	Ngữ pháp(2-2223_2)_TAKT_B	30	5					3-5	C505							1-2	C505										
64	Ngữ pháp(2-2223_2)_TAKT_C	30	5											6-7	C505			8-10	C505								
65	Nguyên lý kế toán(2-2223_2)_KTKT	90	5									3-5	C504			1-2	C504										
66	Pháp luật đại cương(2-2223_2)_TAKT	90	5							6-7	C502	3-5	C604														
67	Pháp luật kinh tế(2-2223_2)_KTĐN	90	5									1-2	C408													8-10	C502
68	Pháp luật kinh tế(2-2223_2)_KTKDS	70	5									3-5	C408													6-7	C502
69	Pháp luật kinh tế(2-2223_2)_KTQLC	50	5											6-7	C409					3-5	C409						
70	Pháp luật kinh tế(2-2223_2)_PTDLL	50	5											8-10	C409					1-2	C409						
71	Pháp luật kinh tế(2-2223_2)_TMQT_A	80	5	1-2	C302			3-5	C408																		

STT	Lớp Môn Tín Chỉ	Số SV	Số tiết tuần	Thứ 2				Thứ 3				Thứ 4				Thứ 5				Thứ 6				Thứ 7			
				Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều	Tiết	GĐ Sáng	Tiết	GĐ chiều
72	Pháp luật kinh tế(2-2223_2)_TMQT_B	80	5	3-5	C302			1-2	C408																		
73	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_01	50	5	1-2	C505															3-5	C505						
74	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_02	50	5	3-5	C505															1-2	C505						
75	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_03	50	5			6-7	C502							8-10	C501												
76	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_04	50	5			8-10	C502							6-7	C501												
77	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_05	50	5					1-2	C507											3-5	C507						
78	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_06	50	5					3-5	C507											1-2	C507						
79	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_07	50	5											6-7	C507	3-5	C507										
80	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_08	50	5											8-10	C507	1-2	C507										
81	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_09	50	5													1-2	C605							3-5	C505		
82	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_10	50	5													3-5	C605							1-2	C505		
83	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_11	50	5							6-7	C505											8-10	C505				
84	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_12	50	5									3-5	C505									6-7	C505				
85	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_13	50	5									1-2	C507			3-5	C508										
86	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_14	50	5	1-2	C503											3-5	C602										
87	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_15	50	5	3-5	C503											1-2	C602										
88	Tiếng Anh cơ bản 3(2_2223_2)_16	50	5									3-5	C507			1-2	C508										
89	Tin học đại cương(2-2223_2)_ĐT_A	70	5	1-2	C403 Tin							3-5	C403 Tin														
90	Tin học đại cương(2-2223_2)_ĐT_B	70	5	3-5	C403 Tin							1-2	C403 Tin														
91	Tin học đại cương(2-2223_2)_ĐTH	70	5					3-5	C403 Tin											1-2	C403 Tin						
92	Tin học đại cương(2-2223_2)_KHPT	70	5			8-10	C403 Tin							6-7	C403 Tin												
93	Tin học đại cương(2-2223_2)_KTĐN	70	5							6-7	C403 Tin											8-10	C403 Tin				
94	Tin học đại cương(2-2223_2)_KTKDS	70	5					1-2	C403 Tin											3-5	C403 Tin						
95	Tin học đại cương(2-2223_2)_KTPT	70	5			6-7	C403 Tin							8-10	C403 Tin												
96	Toán cao cấp(2_2223_2)_01	90	5																	3-5	C408			1-2	C408		